

BIỂU SỐ 10/2016
THÔNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

- Biểu 10/2016 thống kê các vụ án, bị can của các tiêu chí theo từng tội danh được quy định trong BLHS.

Lưu ý: Biểu này chỉ áp dụng cho kỳ thống kê 6 tháng, 12 tháng, không áp dụng cho kỳ thống kê tháng.

- Nguyên tắc xác định tội danh:

+ Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án.

+ Nếu bị can bị khởi tố, truy tố; bị cáo bị xét xử về nhiều tội trong cùng 1 vụ án thì tội danh của bị can, bị cáo được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.

+ Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự.

Các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng là căn cứ để thống kê. Vì vậy, tội danh của vụ án, bị can, bị cáo ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được thống kê theo tội danh ghi trong các quyết định do cơ quan có thẩm quyền ban hành tương ứng với từng giai đoạn tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử).

- Cột số 1 (Tội danh): Ghi theo thứ tự các tội danh được quy định tại Phần các tội phạm” trong Bộ luật Hình sự;

- Cột số 2 (Điều luật): Ghi theo thứ tự các điều luật được quy định tại Phần các tội phạm” trong Bộ luật Hình sự;

- **Cột 3 đến cột 22: Các tiêu chí về tổng thụ lý kiểm sát điều tra, truy tố; số vụ án, bị can khởi tố, truy tố; số vụ án, bị can đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát theo từng cột của biểu này đã được hướng dẫn theo từng dòng cùng tiêu chí (dòng 68, 70, 78, 80, 82, 87, 89, 93, 96, 111, 112, 156, 158, 161, 162, 167, 171, 174, 177, 191, 192) tại Biểu 02/2016 – Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc điều tra, truy tố các vụ án hình sự.**

+ Tổng số vụ án thụ lý kiểm sát điều tra (cột 3) Biểu 10/2016 = Tổng số vụ án CQĐT thụ lý điều tra (dòng 78) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Tổng số bị can thụ lý kiểm sát điều tra (cột 4) Biểu 10/2016 = Tổng số bị can CQĐT thụ lý điều tra (dòng 80) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án mới khởi tố (cột 5) Biểu 10/2016 = Số vụ án mới khởi tố (dòng 68) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

Lưu ý: Đối với những vụ án mới khởi tố nhưng ngay trong kỳ thống kê đó đã chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền thì đơn vị đã khởi tố thống kê vào cột số mới khởi tố (thống kê vào cột 5) nhưng không thống kê vào cột số tổng (không thống kê vào cột 3), đơn vị nơi nhận những vụ án này không thống kê vào cột số mới (không thống kê vào cột 5) nhưng thống kê vào cột số tổng (thống kê vào cột 3).

+ Số bị can mới khởi tố (cột 6) Biểu 10/2016 = Số bị can mới khởi tố (dòng 70) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

Lưu ý: Đối với những bị can mới khởi tố nhưng ngay trong kỳ thống kê đó đã chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền thì đơn vị đã khởi tố thống kê vào cột số mới khởi tố (thống kê vào cột 6) nhưng không thống kê vào cột số tổng (không thống kê vào cột 4), đơn vị nơi nhận những bị can này không thống kê vào cột số mới (không thống kê vào cột 6) nhưng thống kê vào cột số tổng (thống kê vào cột 4).

+ Số vụ án đề nghị truy tố (cột 7) Biểu 10/2016 = Số vụ án đề nghị truy tố (dòng 82) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị can đề nghị truy tố (cột 8) Biểu 10/2016 = Số bị can đề nghị truy tố (dòng 87) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị can là pháp nhân đề nghị truy tố (cột 9) Biểu 10/2016 = Số bị can là pháp nhân (dòng 89) Biểu 2/2016 – áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án đình chỉ (cột 10) Biểu 10/2016 = Số vụ án CQĐT đình chỉ (dòng 93) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị can đình chỉ (cột 11) Biểu 10/2016 = số bị can CQĐT đình chỉ (dòng 96) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án tạm đình chỉ (cột 12) Biểu 10/2016 = Số vụ án CQĐT tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (dòng 111) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị can tạm đình chỉ (cột 13) Biểu 10/2016 = Số bị can CQĐT tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (dòng 112) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Tổng số vụ án VKS thụ lý (cột 14) Biểu 10/2016 = Tổng số vụ án VKS đã thụ lý giải quyết (dòng 156) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Tổng số bị can VKS thụ lý (cột 15) Biểu 10/2016 = Tổng số bị can VKS đã thụ lý giải quyết (dòng 158) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án đã truy tố (cột 16) Biểu 10/2016 = Dòng 161 (Biểu 2/2016) – Dòng 162 (Biểu 02/2013) - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị can đã truy tố (cột 17) Biểu 10/2016 = Dòng 167 (Biểu 2/2016) – Dòng 171 (Biểu 02/2013) - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án VKS đình chỉ (cột 19) Biểu 10/2016 = Số vụ án VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ (dòng 174) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị can VKS đình chỉ (cột 20) Biểu 10/2016 = Số bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ đối với bị can (dòng 177) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án VKS tạm đình chỉ (cột 21) Biểu 10/2016 = Số vụ án VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (dòng 191) Biểu 02/2010 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị can VKS tạm đình chỉ (cột 22) Biểu 10/2016 = Số bị can VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (dòng 192) Biểu 02/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

- Cột 23 đến cột 31: Các tiêu chí về tổng thụ lý, xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án đã được hướng dẫn theo từng dòng cùng tiêu chí (dòng 14, 16, 20, 27, 28, 36, 40, 44, 49) tại Biểu 03/2016 - Thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

+ Tổng số vụ án Tòa án thụ lý (cột 23) Biểu 10/2016 = Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm (dòng 14) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Tổng số bị can Tòa án thụ lý (cột 24)) Biểu 10/2016 = Tổng số bị can Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm (dòng 16) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án đã xét xử (cột 25) Biểu 10/2016 = Số vụ án đã xét xử sơ thẩm (dòng 20) Biểu 03/2013 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị cáo đã xét xử (cột 26) Biểu 10/2016 = Số bị cáo đã xét xử sơ thẩm (dòng 27) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số pháp nhân đã xét xử (cột 27) Biểu 10/2016 = Số bị cáo là pháp nhân (dòng 28) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án đình chỉ (cột 28) Biểu 10/2016 = Số vụ án Tòa án đình chỉ (dòng 36) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị cáo đình chỉ (cột 29) Biểu 10/2016 = Số bị can Tòa án đình chỉ (dòng 40) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số vụ án tạm đình chỉ (cột 30) Biểu 10/2016 = Số vụ án Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (dòng 44) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.

+ Số bị cáo tạm đình chỉ (cột 31) Biểu 10/2016 = Số bị can Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (dòng 49) Biểu 03/2016 - áp dụng kỳ thống kê 6, 12 tháng.